TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 528/2019/DS-ST
Ngày: 15/11/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Lê Thị Thanh Hồng
- Ông Võ Thành Viên
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án quận Gò Vấp
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2019/QĐHPT-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang K, sinh năm 1987; Địa chỉ: thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Nhật N, sinh năm 1987; Địa chỉ: huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Văn bản ủy quyền lập ngày 08/5/2019;

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1972; Địa chỉ: quận Gò Vấp, Tp. HCM

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và diễn biến tại phiên tòa, ông Trần Quang K là nguyên đơn đã trình bày:

Theo hai giấy mượn tiền ngày 16/7/2015 và 19/7/2015 thì ông Nguyễn Hữu H có vay của ông Trần Quang K số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn vay là 1 tháng. Hai bên có thỏa thuận trả lãi nhưng không lập văn bản. Thời gian từ 31/12/2015 đến 10/8/2016 ông Hưng có thanh toán lãi cho ông K làm 3 lần thông qua chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP N, cụ thể:

- Lần 1, ngày 31/12/2015 chuyển khoản thanh toán lãi số tiền 10.000.000 đồng;
- Lần 2, ngày 05/02/2016 chuyển khoản thanh toán lãi số tiền 10.000.000 đồng;
- Lần 3, ngày 10/8/2016 chuyển khoản thanh toán lãi số tiền 20.000.000 đồng.

Ông H đã thanh toán lãi được 40.000.000 đồng.

Nay, ông K khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán như sau:

1/ Vốn 150.000.000 đồng;

2/ Lãi tính từ tháng 9/2015 đến tháng 7/2019 là 46 tháng. Ông K yêu cầu tính lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể là: 150.000.000 đồng x 46 tháng x 10%/ năm = 57.500.000 đồng.

Tổng vốn lãi là 150.000.000 đồng + 57.500.000 đồng = 207.500.000 đồng.

Trừ 40.000.000 đồng lãi ông H đã thanh toán, số tiền còn lại ông K yêu cầu ông H phải thanh toán là 167.500.000 đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Số tiền này là tiền riêng của ông. Giao dịch vay mượn này chỉ có ông và ông H thực hiện. Do đó, ông yêu cầu tòa án không triệu tập vợ ông và vợ ông H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông K không yêu cầu tính lãi quá hạn từ thời điểm khởi kiện đến thời điểm xét xử.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông H vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, nguyên đơn yêu cầu một mình bị đơn thanh toán các khoản tiền vay và lãi. Vợ của bị đơn không biết việc vay mượn giữa hai bên. Số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là tiền riêng, không phải tài sản chung vợ chồng nên không yêu cầu tòa án triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Do đó, Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, giấy vay tiền vào các ngày 16/7/2015, ngày 19/7/2015 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng để tiêu dùng. Về yêu cầu trả lãi, các đương sự không lập văn bản thỏa thuận cụ thể nhưng qua các tài liệu chứng cứ là bản sao kê ngân hàng mà nguyên đơn cung cấp thể hiện các khoản tiền bị đơn chuyển cho nguyên đơn là chuyển trả lãi nên xác định giữa các đương sự có thỏa thuận về lãi. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm trên số tiền vay, tổng lãi đối với các khoản vay từ tháng 9/2015 đến tháng 7/2019 là 57.500.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán lãi 40.000.000 đồng nên tổng cộng vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 167.500.000 đồng. Các bên đương sự giao kết hợp đồng vay tài sản nhưng bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi như nêu trên là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định tại Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015. Nguyên đơn không yêu cầu xem xét số tiền lãi phát sinh tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử và không yêu cầu tính lãi quá hạn Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy, bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Trần Quang K đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu H.

Buộc ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Quang K số tiền 167.500.000 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.350.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Hoàn lại cho ông Trần Quang K số tiền 4.475.000 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000919 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị